

Số: /2025/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn định mức và thẩm quyền quyết định các nội dung về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2025-20230

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 06 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NCC-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 09 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 96/TTr-STC ngày 18/3/2025 và Văn bản số 1192/STC-QLGCSTCDN ngày 14/4/2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn định mức và thẩm quyền quyết định các nội dung về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2025-20230

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức và thẩm quyền quyết định các nội dung về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, giai đoạn 2025-2030.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, các huyện, thành phố thuộc tỉnh (Sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 2. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh giai đoạn 2025-2030

1. Số lượng xe ô tô: 164 xe ô tô

a) Số lượng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và các ban QLDA cấp tỉnh: 107 xe.

b) Số lượng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện: 57 xe.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo).

2. Chủng loại xe ô tô: Xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải).

3. Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều này là mức tối đa trong giai đoạn 2025-2030; Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật), cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung tại khối các Văn phòng thuộc tỉnh (*Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh*), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc tỉnh, sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh ủy: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (*phương thức quản lý trực tiếp*).

Điều 4. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Thẩm quyền quyết định các nội dung về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

a) Người đứng đầu các Văn phòng cấp tỉnh (*Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh*); Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy; Các sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc; Các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc tỉnh quyết định các nội

dung khoán kinh phí về sử dụng xe ô tô quy định tại Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (*trừ nội dung quy định tại điểm c khoản này*) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định các nội dung khoán về sử dụng xe ô tô quy định tại Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (*trừ nội dung quy định tại điểm c khoản này*) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.

c) Riêng chức danh, đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại cơ quan, đơn vị của Đảng ở tỉnh được thực hiện theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các Văn phòng cấp tỉnh (*Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh*), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc tỉnh, các sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh:

a) Quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác theo đúng tiêu chuẩn, định mức tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, số lượng, chủng loại và phương thức quản lý quy định tại Quyết định này.

b) Sau 07 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực các đơn vị tại khoản 1 Điều này Thực hiện rà soát sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung thuộc phạm vi quản lý theo quy định và báo cáo kết quả sắp xếp lại, xử lý xe ô tô gửi đến Sở Tài chính để tổng hợp chung, xây dựng phương án sắp xếp, xử lý tài sản.

c) Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này và điều kiện thực tế của đơn vị, trường hợp lựa chọn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho chức danh, đối tượng được sử dụng xe ô tô thì ban hành theo thẩm quyền Quyết định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc.

d) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc:

Thực hiện quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, hạch toán, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị đối với xe ô tô được giao quản lý, sử dụng. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về xe ô tô theo quy định.

Chủ động bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách cho các lái xe ô tô theo quy định; phối hợp với cơ quan Nội vụ để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Tổ chức triển khai thực hiện việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo Quyết định của cấp có thẩm quyền đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng quy định.

e) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc kiến nghị đề xuất, kịp thời phản ánh Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. UBND các huyện, thành phố:

a) Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ và Quyết định này, quyết định theo quy trình và thẩm quyền phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung tại từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.

b) Thực hiện các nội dung tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này đối xe ô tô phục vụ công tác chung và thực hiện nội dung khoản kinh phí sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.

3. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn việc thực hiện quy định về quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tại Quyết định này.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện mua sắm, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

4. Sở Nội vụ và phòng Nội vụ cấp huyện:

Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc bố trí, sắp xếp công việc, giải quyết chế độ, chính sách cho lái xe và xử lý các khó khăn, vướng mắc có liên quan khi các xe ô tô được sắp xếp, xử lý theo quy định; báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh:

Thực hiện kiểm soát chi đối với các nội dung liên quan đến mua sắm, sửa chữa, thanh lý và các hình thức xử lý khác đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2025.

Bãi bỏ toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh; Chủ tịch

UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VIII và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính Phủ;
 - Website Chính Phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
 - Cục Quản lý công sản Bộ Tài chính;
 - Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, trung tâm cấp tỉnh;
 - Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Các CPVP UBND tỉnh;
 - Như Điều 6;
 - Báo Vĩnh Phúc; Đài PTTH tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - CV NCTH;
 - Lưu: VT.
- (Ng- b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Duy Đông

PHỤ LỤC SỐ 01
SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ
QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Chức danh, cơ quan, đơn vị	Số lượng xe tối đa
A	XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH	102
I	<i>Các Văn phòng cấp tỉnh</i>	<i>18</i>
1	Văn phòng Tỉnh ủy	4
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	7
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	7
II	<i>Các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (Không bao gồm: Các Văn phòng cấp tỉnh; Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh)</i>	<i>75</i>
a	<i>Các sở, ban ngành và tương đương cấp tỉnh</i>	<i>65</i>
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	13
2	Sở Tài chính	4
3	Sở Xây dựng	4
4	Sở Công Thương	3
5	Sở Khoa học và Công nghệ	4
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	7
7	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	5
8	Sở Tư pháp	3
9	Sở Y tế	12
10	Sở Nội vụ	4
11	Thanh Tra tỉnh	2
12	Ban Quản lý các khu công nghiệp	2
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2
b	<i>Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh</i>	<i>2</i>
1	Ủy ban MTTQ tỉnh	2

TT	Chức danh, cơ quan, đơn vị	Số lượng xe tối đa
c	<i>Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh</i>	8
1	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	2
2	Hội Nông dân	2
3	Tỉnh đoàn	2
4	Hội cựu chiến binh	2
III	<i>Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề)</i>	4
1	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	2
2	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh	2
IV	<i>Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề</i>	6
1	Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	2
2	Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc	3
B	XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA BQLDA	5
1	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc	3
2	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Vĩnh Phúc	1
3	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Vĩnh Phúc	1
TỔNG CỘNG (A+B)		107

PHỤ LỤC SỐ 02
SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ
QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN

*((Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc))*

TT	Huyện, thành phố	Số lượng xe tối đa
1	Thành phố Vĩnh Yên	6
2	Thành phố Phúc Yên	6
3	Huyện Vĩnh Tường	7
4	Huyện Yên Lạc	7
5	Huyện Sông Lô	6
6	Huyện Lập Thạch	7
7	Huyện Tam Dương	6
8	Huyện Tam Đảo	6
9	Huyện Bình Xuyên	6
TỔNG CỘNG		57